

Bản án số: 45/2024/HN-ST

Ngày: 26 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST–HN ngày tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa 35/2024/QĐST-HN ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ C đường số I, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1982; Địa chỉ Tổ C, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2024, Bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy L trình bày:

Bà và ông Phạm Văn V tự nguyện tìm hiểu khoảng 1 năm, thấy phù hợp nên tổ chức lễ cưới, chung sống khoảng 2 năm tại huyện L sau đó mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2011.

Bà và ông V chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V nóng tính, gia trưởng, khi vợ chồng bất đồng ý kiến thì ông V thường cư xử bạo lực với bà. Bà đã từng bị ông V dùng xà beng đập gãy chân, dùng cây sắt đánh gãy tay. Do thấy ông V quá thô bạo, cư xử không còn tình nghĩa với bà nên khi bị ông V đánh gãy tay vào đầu năm 2018, bà đã dọn đồ đi khỏi nhà để tránh bị tổn thương thêm. Bà và ông V chính thức ly thân từ đó tới

nay. Trong thời gian ly thân bà và ông **V** đã không còn liên hệ gì ngoài vấn đề thăm nuôi con chung. Trong thời gian dài ly thân, nhận thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà và ông **V** không còn nên bà yêu cầu ly hôn đối với ông **Phạm Văn V**.

Về con chung: Bà và ông **V** có 01 con chung là **Phạm Lê B**, sinh ngày 05/11/2009. Do cháu **B** là con trai, hiện đang sống cùng ông **V**, việc để cháu được ở với ba sẽ tốt hơn cho việc dạy dỗ, chăm sóc cháu về tâm sinh lý nên bà để ông **V** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu **Phạm Lê B**.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà cấp dưỡng nuôi con theo khả năng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn V: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Bà **Lê Thị Thùy L** vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu ý kiến: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Lê Thị Thùy L** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Phạm Văn V** cư trú tại **L**, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Phạm Văn V**, tuy nhiên ông **V** vắng mặt không có lý do; bà **Lê Thị Thùy L** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông **V** và bà **L**.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Phạm Văn V** đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hoặc phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc hậu quả pháp lý có thể xảy ra, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1]. Xét về yêu cầu ly hôn:

Bà Lê Thị Thùy L và ông Phạm Văn V chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi ngày 21/3/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương nơi bà L và ông V sinh sống trước đây thì được cung cấp thông tin: “Do bà L và ông V không trình báo nên địa phương không biết được về tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông V và bà L”.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Trong quá trình tố tụng, bà L xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với ông V do thường xuyên bị bạo hành, cả hai đã ly thân hơn 6 năm, đã không còn sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau. Ông V không tới Tòa làm việc để thể hiện mong muốn thiết tha hàn gắn hạnh phúc gia đình đối với bà L. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L với ông V là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2]. Xét về con chung:

Bà L và ông V có 01 con chung là Phạm Lê B sinh ngày 05/11/2009. Cháu B thực tế đang ở cùng ông V và có nguyện vọng được ở với bố, bà L đồng ý với ý kiến của cháu B vì xác định việc cháu là con trai được ở với ba sẽ tốt hơn cho việc dạy dỗ, chăm sóc cháu về tâm sinh lý. Ông V không có ý kiến phản đối với mong muốn của cháu B và bà L cũng như không thể hiện nguyện vọng về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà L về việc giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phạm Lê B theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà L được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 19; Điều 21; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Thùy L** ly hôn ông **Phạm Văn V**.

2. Về con chung: Ông **Phạm Văn V** và bà **Lê Thị Thùy L** có 01 con chung là **Phạm Lê B** sinh ngày 05/11/2009. Giao cho ông **V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu **Phạm Lê B**.

Bà **L** được quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà **Lê Thị Thùy L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004550 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Điền. Bà **L** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà **Lê Thị Thùy L**, ông **Phạm Văn V** vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Ủy ban nhân dân xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Châm